

Số: 43/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 218/BC-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế là người đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gồm:

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo;

b) Học sinh, sinh viên;

c) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

d) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật;

- đ) Nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn bản;
- e) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;
- g) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;
- h) Người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hoá;
- i) Nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;
- k) Người cao tuổi chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo diện bắt buộc và theo diện đối tượng được cấp miễn phí;
- l) Người nhiễm HIV chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài 70% mức ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo quy định).

2. Đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài 70% mức ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo quy định), thời gian hỗ trợ là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ thời điểm xã nơi đối tượng đang sinh sống không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

3. Đối tượng quy định tại điểm b, c, h khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài 50% mức ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo quy định).

4. Đối tượng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài 50% mức ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo quy định), thời gian hỗ trợ là 01 năm kể từ khi đối tượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

5. Đối tượng quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài 50% mức ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo quy định).

6. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài 30% mức ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo quy định).

7. Đối tượng quy định tại điểm k, l khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền xác định thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà thay đổi đối tượng do việc sáp nhập đơn vị hành chính khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, người tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế và được hưởng quyền lợi theo đối tượng đã được xác định tại văn bản của cấp có thẩm quyền cho đến khi hết thời hạn theo quy định.
3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.
4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Y tế;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (H.Loan).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Trà